TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2023/HS-ST

Ngày: 04/08/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vương Thị Khánh Loan
2. Ông Phan Anh Dũng

- ***Thư ký Tòa án***: Bà Ngô Thị Thuỳ Linh – Thư ký Tòa án
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 371/2023/TLST-HSST ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 07 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 690/2023/HSST-QĐHPT ngày 19 tháng 07 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1990 tại Sóc Trăng; Nơi đăng ký thường trú: Ấp MT, xã T T, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp a, xã MQ, thị xã NN, tỉnh Sóc Trăng. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C , sinh năm 1962 và bà Thái Thị Ng , sinh năm 1962; Họ và tên chồng: Trần Văn S , sinh năm 1987, bị cáo có 02 con sinh năm 2015 và sinh năm 2017; Gia đình bị cáo có 06 (sáu) anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 17/04/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 679/LTG ngày 20/4/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

- *Người bị hại:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Ấp SĐ, xã VTh, huyện TP, tỉnh Cà Mau.
- *Người làm chứng:*
1. Chị **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1984;
2. Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1986.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa; bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Văn Đ là cháu gọi Nguyễn Thị L là cô ruột, cả 3 cùng thuê trọ tại nhà không số thuộc khu phố A, phường TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. L có cho anh Nguyễn Văn H mượn số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), L có đòi số tiền trên nhưng anh H chưa trả. Vào khoảng 14 giờ ngày 29/01/2014, L và Đầy đến phòng trọ của anh Nguyễn Văn H để đòi nợ, khi nghe thấy ồn ào thì L cũng từ phòng trọ của L đi đến phòng trọ của anh H, tại đây, anh H đi vắng chỉ có chị Nguyễn Thị N (là vợ của anh H) ở trong phòng trọ, L yêu cầu chị N trả nợ thì chị N không đồng ý và nói chiều anh H về sẽ trả tiền cho L . Lúc này Đ thấy chị N có đeo nữ trang nên Đ yêu cầu chị N tháo số nữ trang trên đưa cho Đ . Do sợ bị đánh nên chị N đã lấy kéo cắt bộ vòng simen đang đeo trên tay đưa cho Đ , Đ đưa lại cho V mang đi thử thì phát hiện là vàng giả, sau đó Đ kêu V đóng cửa phòng trọ của chị N lại và tiếp tục yêu cầu chị N tháo sợi dây chuyền và đôi bông tai đưa cho Đ , nhưng chị N không đồng ý nên L và Đ không chế và vật chị N xuống nền nhà, Đ giữ chị N để cho L và V tháo lấy sợi dây chuyền và đôi bông tai của chị N rồi mang về phòng trọ của L cất giữ. Sau khi sự việc xảy ra, chị N đến công an phường Tân Hòa trình báo. Qua điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Biên Hòa đã bắt giữ Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn Đ để điều tra và đã xét xử ngày 20/11/2014, riêng Nguyễn Thị Bích V đã bỏ trốn, đến ngày 17/4/2023 Vân bị bắt truy nã.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 767/TCKH-HĐĐG ngày 23-05-2014, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận: "01 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1,57 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 0,76 chỉ có tổng giá trị định giá là 6.032.370 đồng (*sáu triệu không trăm ba mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi đồng*). Đối với bộ vòng ximen qua kiểm tra xác định là vàng giả không có giá trị."

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng có liên quan đã được giải quyết theo bản án số 696/2014/HSST ngày 20/11/2014 của Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà và bản án số 17/2015/HSPT ngày 26/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tại cáo trạng số 369/CT-VKSBH ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định sửa đổi, bổ sung cáo trạng số 10844 ngày 28/7/2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích V, về tội "*Cướp tài sản*", theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên toà lời khai bị cáo khác với lời khai bị hại và hai đồng phạm về giai đoạn tham gia cướp tài sản và khai không biết bị truy nã nhưng căn cứ tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo quy định

tại khoản 1 Điều 168 và Điều 58 Bộ luật Hình sự và tội danh nêu trên; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và con nhỏ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng có liên quan đã được giải quyết theo bản án số 696/2014/HSST ngày 20/11/2014 của Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà và bản án số 17/2015/HSPT ngày 26/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến bào chữa tranh luận đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi vi phạm pháp luật của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được về với chồng con và ba mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Mặc dù lời khai của bị cáo khác với lời khai bị hại và hai đồng phạm về giai đoạn tham gia cướp tài sản (không tham gia từ đầu) và khai không biết bị truy nã nhưng căn cứ với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định như sau: Vào khoảng 14 giờ ngày 29/01/2014, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị Bích V đã có hành vi dùng vũ lực cướp của chị Nguyễn Thị N 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1,57 chỉ và 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 0,76 chỉ có tổng trị giá là 6.032.370 đồng (*sáu triệu không trăm ba mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi đồng*) và 01 bộ vòng ximen là vàng giả không có giá trị thì Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Đ bị bắt giữ, xử lý, riêng Nguyễn Thị Bích V bỏ trốn đến ngày 17/4/2023, Nguyễn Thị Bích V bị bắt và đã khai nhận hành vi như ở trên. Do đó, đã có đủ căn cứ kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "*Cướp tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ Luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Xét thấy, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm một cách cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Trong vụ án này bản thân bị cáo không có mâu thuẫn gì với bị hại nhưng khi bị cáo nghe Nguyễn Thị L rủ đi đòi nợ. Thay vì bị cáo can ngăn Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn Đ cướp tài sản của chị Nguyễn Thị N thì bị cáo lại giúp sức cướp tài sản của chị N, sau khi thực hiện bị cáo không đi đầu thú mà lại bỏ trốn. Bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản đơn và với vai trò giúp sức. Do vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tính chất mức độ tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, để có mức hình phạt tương xứng.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận có hành vi phạm tội giúp sức L và Đ cướp tài sản nhưng không thừa nhận việc tham gia từ đầu khác với lời khai của L, Đ và bị hại N, bị cáo khai có liên lạc thường xuyên với mẹ nhưng không biết bị cáo bị truy nã. Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có 02 con nhỏ và gia đình khó khăn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Qua xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian phù hợp, nhằm có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng có liên quan đã được giải quyết theo bản án số 696/2014/HSST ngày 20/11/2014 của Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà và bản án số 17/2015/HSPT ngày 26/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích V phạm tội "*Cướp tài sản*".

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Bích V**: **02 (*hai*) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/04/2023.

2. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích V phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có mặt thời hạn tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt thời hạn tính từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** TỈNH ĐỒNG NAI Số: 128/2023/TB-TA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 21 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các Điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 392/2023/HS-ST, ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có sai sót cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Về số bản án: Tại dòng 05 từ trên đếm xuống trang 1 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi:

" …..Bản án số: 392/2023/HS-ST….."

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

"…..Bản án số: 390/2023/HS-ST ….."

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Hồng Ngọc